

Văn hóa Phật giáo và Công giáo trong đời sống tinh thần của người Việt Nam

Vũ Đức Chính *

Tóm tắt: Văn hóa tôn giáo có vai trò hết sức quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần người Việt Nam. Các tôn giáo ở Việt Nam luôn tồn tại song hành cùng lịch sử dân tộc, có những đóng góp tích cực nhất định cho nền văn hóa, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa độc đáo của dân tộc Việt Nam. Sự du nhập của Phật giáo, Công giáo vào Việt Nam đã góp phần làm phong phú và “nâng cấp” đời sống văn hóa tinh thần xã hội ở tín ngưỡng và đạo đức, văn học và nghệ thuật. Bài viết tập trung trình bày văn hóa Phật giáo và Công giáo trong đời sống tín ngưỡng và đạo đức của người Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Văn hóa; Phật giáo; Công giáo; Việt Nam.

1. Mở đầu

Văn hóa tôn giáo thuộc lĩnh vực văn hóa tâm linh, là một thành tố của văn hóa tinh thần nói chung, xếp bên cạnh các lĩnh vực văn hóa chính trị, văn hóa tư tưởng, văn hóa khoa học, văn hóa nghệ thuật, văn hóa giáo dục, văn hóa thẩm mỹ...

Đời sống tinh thần của xã hội và đời sống vật chất là hai hoạt động sống cơ bản của con người. Khái niệm đời sống tinh thần xã hội bao gồm toàn bộ hiện thực tinh thần của xã hội; gồm cả ý thức cá nhân, ý thức của các tập đoàn người. Đời sống tinh thần bao hàm toàn bộ quá trình sản xuất, phân phối, tiêu dùng các giá trị tinh thần; là tổng hòa tất cả các hiện tượng tinh thần, trong đó có những hiện tượng đã trở thành phổ biến, có hiện tượng mới phôi thai đang trong quá trình hình thành, đồng thời có cả những hiện tượng cũ tồn tại với tư cách là tàn dư của xã hội.

Văn hóa tôn giáo đóng vai trò hết sức quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần

con người Việt Nam. Với tư cách là một thành tố của kiến trúc thượng tầng, văn hóa tôn giáo luôn có sự tác động trở lại hiện thực, cái đã sản sinh ra nó, đáp ứng những khát vọng của con người. Văn hóa tôn giáo tạo nên những giá trị, thúc đẩy và làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của xã hội; song đôi khi cũng có những cản trở đối với xã hội.

Là một quốc gia đa tôn giáo, bên cạnh những tôn giáo nội sinh như đạo Cao Đài, Hòa Hảo, Việt Nam còn có những tôn giáo du nhập từ bên ngoài vào như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo... Các tôn giáo ở Việt Nam luôn tồn tại song hành cùng lịch sử dân tộc, đã có những đóng góp tích cực nhất định cho nền văn hóa, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa độc đáo của dân tộc Việt Nam.

(*) Thạc sĩ, Hòa thượng Thích Thanh Nhiễu, Giáo hội Phật giáo Việt Nam. ĐT: 04 39422427.
Email: Minhnhatphucloc@yahoo.com.vn.

Trong thời kỳ hội nhập quốc tế, Đảng và Nhà nước ta đã nhìn nhận lại vai trò của tôn giáo đối với đời sống xã hội, nhất là đối với đời sống tinh thần: “Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xã hội mới” [4].

Nghiên cứu vai trò của văn hóa tôn giáo đối với đời sống tinh thần Việt Nam hiện nay có ý nghĩa thiết thực và mang tính thời sự. Bài viết này tập trung làm rõ vai trò của văn hóa Phật giáo và Công giáo trong đời sống tinh thần của người Việt Nam hiện nay trên hai phương diện chủ yếu: tín ngưỡng và đạo đức.

2. Văn hóa Phật giáo trong đời sống tín ngưỡng và đạo đức

Với sự du nhập và phát triển của tín ngưỡng tâm linh, Phật giáo đã tạo ra vòng tròn đồng tâm hội tụ các tín ngưỡng khác nhau của người Việt Nam từ lịch sử đến hiện tại.

Các triều đại phong kiến Việt Nam (từ thời Lý, Trần) đã kết hợp một cách hài hòa dựa trên tinh thần tư tưởng, giáo lý của Phật để trị nước an dân, mưu cầu một sự an bình thịnh vượng cho nước nhà. Phật giáo gắn bó và có ảnh hưởng rất lớn đối với Nhà nước. Nhiều bậc cao tăng đã có vị trí quan trọng như những cố vấn chính trị thực sự của triều đình. Trước khi quyết định một vấn đề hệ trọng nào đó, triều đình thường thành tâm thỉnh ý các bậc cao tăng [14, tr.345].

Trong đời sống văn hóa tín ngưỡng của người dân, mái chùa thân thương đã in đậm dấu ấn trong tư tưởng, tình cảm mỗi người, mỗi cộng đồng làng xã với hình ảnh “mái chùa che chở hồn dân tộc”.

Dân dựng chùa thờ Phật, Thánh Mẫu, Tổ tiên không chỉ có mục đích giải thoát, thể

hiện đạo đức “uống nước nhớ nguồn” mà cả mục đích nhờ Phật “che chở” cho những lúc thất cơ lỡ vận, ốm đau, cầu mong mưa thuận gió hòa, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, ra khơi đánh cá được bình an, thuyền bè đi lại trên sông thuận buồm xuôi gió...

Ảnh hưởng của Phật giáo còn thể hiện rõ qua cấu trúc của nhiều ngôi chùa và qua việc sắp xếp điện thờ trong chùa. Sự dung hợp Phật giáo với tín ngưỡng truyền thống và các tôn giáo khác trong cách thờ tự tại chùa đã khiến cho tính chất Phật giáo ở đồng bằng Bắc Bộ khác với cội nguồn ở Ấn Độ.

Trong chùa, chính điện (Tam Bảo) là trung tâm của sự thờ cúng. Ở đây có nhiều bàn thờ; bàn thờ chính được đặt ở giữa, thường được làm thành những bậc từ cao xuống thấp. Không có một công thức chung cho sự bài trí tượng ở các chùa Việt Nam. Vị trí của các tượng thay đổi một cách linh hoạt tùy theo từng ngôi chùa. Tuy nhiên, nhìn chung chính điện ở các chùa theo phái Bắc tông vùng đồng bằng Bắc Bộ thường được bài trí thờ theo năm lớp thể hiện chư Phật trong ba đời: quá khứ, hiện tại, tương lai. Bên cạnh các chư Phật luôn có các Thánh Tăng theo hầu. Bên cạnh đó, chùa còn thờ cả các vị vua, những người có công với chùa, những nhà tu hành (sư tổ), Tứ vị Pháp vương Phật (Vân, Vũ, Lô, Điện)... Khi văn hóa Việt Nam chịu ảnh hưởng của Nho giáo, Lão giáo, trong không gian chùa thờ thêm Thần, Thánh, Tiên, người, trời, đất...

Như vậy, chùa không chỉ là nơi thực hành tín ngưỡng của riêng Phật giáo mà còn là nơi thực hành nhiều loại tín ngưỡng khác nhau. Nó là cái trục cơ bản, là nền tảng tín ngưỡng để hội tụ các loại hình tín ngưỡng có mặt trong cuộc sống tín ngưỡng của người Việt Nam. Chùa không chỉ là nơi hướng thiện “từ, bi, hỷ, xả”, mà còn là nơi

trùng tu công đức, cầu xin để đạt được các sở nguyện đời thường và cả khi về cõi vĩnh hằng (nói rộng ra, cả vòng đời con người gắn với chùa) Con người mới sinh ra thì bán khoán cho Đức Ông ở chùa, lúc trưởng thành thì làm lễ tơ hồng ở chùa, khi chết đi làm lễ cầu siêu ở chùa. Và chính sự hội tụ của Phật giáo đó mà khách hành hương khi đến chùa bị choáng ngợp trước các tượng pháp, các ban, các cung.

Tập quán đi lễ chùa đã trở thành nét đẹp trong văn hóa tâm linh của nhân dân ta. Xưa kia khi hạn hán kéo dài, quan lại và kỳ hào đến chùa thờ Tứ Pháp để làm lễ đảo vũ, cầu cho dân có nước cấy cày, cho cỏ cây tươi tốt, mùa màng bội thu; các bậc cao niên trong làng lại lo làm lễ cầu an đầu năm, lễ cầu mát vào hè, lễ dâng sao giải hạn, trừ ôn dịch, sâu bọ phá hoại mùa màng... cho dân chúng.

Ngày nay, từ thành thị đến nông thôn, vào các ngày Sóc, Vọng, người dân thường đến chùa lễ Phật. Đối với Phật giáo, ngày Sóc, ngày Vọng là ngày “trưởng tịnh”, tức là ngày trong sạch nhất. Ngày này người xuất gia phải làm lễ Bỏ Tát, tức đọc tụng Giới luật và kiểm điểm lại hành vi của mình. Đối với những tín đồ Phật giáo, những người không xuất gia tu hành thì ngày này sẽ làm lễ “Sám hối”. Chính vì vậy, ngày Sóc, Vọng được gọi là ngày sám hối.

Chùa luôn gắn liền với làng và hội chùa cũng chính là hội làng: “Dù ai buôn đâu bán đâu/ Đến ngày Phật đản năm châu cũng về/ Dù ai buôn bán trăm bề /Đến ngày Phật đản ta về chùa ta”. Đầu năm thường có các lễ hội chùa lớn như lễ hội chùa Hương Tích, được tổ chức từ mùng 6 tháng Giêng và kéo dài đến 25 tháng Ba: “Chẳng đi thì nhớ, thì thương/ Đi thì mến cảnh chùa Hương chẳng về/ Một là vui thú Sơn Khê/ Hai là đã trót lời thề cùng ai”.

Tục đi chùa văn cảnh, cầu tự, cầu may đã trở thành một nét đẹp văn hóa, một phong tục của người dân Việt Nam. Chùa Hương ở Mỹ Đức (Hà Nội) là một trong những địa danh nổi tiếng linh thiêng trong dân gian về việc cầu tự. Trong động Hương Tích, thuộc quần thể chùa Hương, dân gian còn đặt tên cho những nhũ đá tự nhiên là: Đụn Vàng, Đụn Bạc, Đụn Cô, Đụn Cậu, Nong Tằm, Nong Gạo... Từ xa xưa người Việt tin rằng, ai mong ước được giàu có thì sờ Đụn Vàng, Đụn Bạc; ai cầu có con, có cháu thì sờ Đụn Cô, Đụn Cậu; ai muốn mùa màng bội thu thì sờ vào Nong Tằm, Nong Gạo...

Lễ hội chùa Thầy diễn ra từ ngày mùng 5 đến mùng 7 tháng ba qua ca dao: “Trai chưa vợ nhớ hội chùa Thầy/ Gái chưa chồng nhớ hang Cắc Cờ”.

Lễ hội chùa Dâu (tức lễ hội chùa Diên Ứng) ở tỉnh Bắc Ninh tổ chức vào mùng 8 tháng tư. Nét đặc biệt của lễ hội là việc tổ chức rước các nữ thần Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện... Trong lễ hội còn có các trò chơi như múa gậy, múa sư tử, múa trống... Ngoài ra có rất nhiều lễ hội chùa khác như các lễ hội chùa Keo, chùa Am, chùa Đậu, chùa Lim.

Lễ hội chùa được tổ chức quanh năm và thường gắn với những cầu mong, nguyện ước về vật chất, tinh thần của người dân là minh chứng cho sự gắn bó chặt chẽ giữa nhà chùa và cộng đồng dân cư. Vì thế có ý kiến cho rằng, hiện nay chùa thực sự là những trung tâm văn hóa xã hội. Người dân đến chùa để tìm sự thanh thản của cõi lòng, gửi ở đó tất cả đức tin và hòa vào đó với bao sinh hoạt cộng đồng bổ ích. Nhà tu hành đến với dân bằng tất cả lòng thành, ưu đãi miễn thuế. Qua đó cũng thể hiện vai trò của Phật giáo đối với đời sống tinh thần của người dân.

Hiện nay, tín ngưỡng Phật giáo còn ảnh hưởng đến một số gia đình. Người dân rước Phật về thờ tại nhà bằng ảnh Phật, tượng Phật, tượng các ngài Bồ Tát Quan Âm... Nhiều bài văn khấn, văn cầu cuối năm, đầu năm, giỗ tết, ma chay... trong gia đình có nội dung thể hiện tính tín ngưỡng Phật giáo rõ nét; đặc biệt câu mở đầu thường bằng việc tôn xưng danh hiệu “Nam mô A Di Đà Phật”. Phật giáo đã đi vào lòng dân, vào đời sống tinh thần của đông đảo nhân dân như một niềm tin.

Những phân tích trên đây cho thấy sự kết hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian bản địa của cư dân nông nghiệp lúa nước đã tạo nên nét đặc sắc và sự độc đáo trong đời sống văn hóa tinh thần Việt Nam. Nó thể hiện những mong ước, khát vọng vươn lên của con người.

Bên cạnh việc lên chùa lễ Phật vào ngày rằm, mùng một hàng tháng, đại đa số các gia đình người Việt hiện nay đều sắm lễ để thắp hương tổ tiên, gia tộc ở trong gia đình mình. Ngày rằm tháng giêng và rằm tháng bảy trở thành một trong những ngày lễ quan trọng nhất trong năm. Người dân quan niệm “cúng quanh năm không bằng rằm tháng giêng”, hay “cúng quanh năm không bằng rằm tháng bảy”. Ngày rằm tháng bảy được giới Tăng Ni, Phật tử gọi là ngày lễ Vu Lan Bồn. Đây là ngày lễ Tự tứ - tức ngày Chư Tăng mãn hạ, các Phật tử nhân ngày này cúng dàng Chư Tăng nhằm mục đích báo hiếu cho cha mẹ, tổ tiên. Vào ngày này, tất cả con cháu trong các gia đình thường lên chùa lễ Phật. Những ai còn mẹ còn cha thì cài hoa hồng nơ xanh, mất mẹ còn cha thì cài hoa trắng nơ xanh, mất cha còn mẹ thì cài hoa hồng nơ trắng, mất cả cha lẫn mẹ thì cài hoa trắng nơ trắng. Việc cài hoa nhằm thầm nhắc nhở bổn phận của con cái đối với cha mẹ, đó là sự tôn kính và hiếu thảo.

Lễ Vu Lan từ lâu đã trở thành ngày lễ để con cái tỏ lòng hiếu thảo với cha mẹ. Có lẽ, trước khi Phật giáo vào Việt Nam, người Việt Nam không có một lễ hội nào nhắc nhở đạo làm con cụ thể và sinh động như lễ hội này. Có thể nói, lễ Vu Lan của Phật giáo đã có ảnh hưởng rất lớn, mang ý nghĩa giáo dục đạo đức cho những người làm con trong bối cảnh đạo đức xã hội đang có sự suy thoái, xuống cấp nghiêm trọng; hiện tượng con cái hỗn láo, bạc đãi, thậm chí đánh đập cha mẹ đang diễn ra trong xã hội Việt Nam hiện nay.

Ngoài ra, Phật giáo còn hội nhập với tín ngưỡng bản địa, tạo ra một tín ngưỡng chung của cộng đồng quốc gia dân tộc. Phật giáo đã tham gia vào việc tổ chức các ngày lễ lớn của đất nước như ngày 1 tháng 5, ngày 27 tháng 7, ngày Quốc khánh 2 tháng 9, ngày giỗ Tổ Hùng Vương, Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội... Với những hoạt động thực tiễn đó, Phật giáo đã khẳng định những giá trị nhân bản ở tầm nhân loại. Người dân đến với tín ngưỡng Phật giáo không chỉ cầu Phật phù hộ cho bản thân, cho gia đình, bạn bè, mà còn cầu cho “Quốc thái dân an”, đất nước thịnh vượng, thế giới bình an.

Như vậy, tín ngưỡng Phật giáo đã trở thành một phong tục ăn sâu vào nếp sống của người dân Việt Nam. Phong tục này đã và đang góp phần duy trì, chuyển tải và phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống của dân tộc. Nét đẹp trong đời sống văn hóa tinh thần này chắc chắn sẽ được chất lọc, phát huy trong quá trình xây dựng nếp sống mới ở nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

Văn hóa Phật giáo còn có ảnh hưởng đối với đạo đức của người Việt Nam. Trước hết đó là tình cảm và bổn phận thầy - trò. Trong Phật giáo, chữ “Su” trong từ nhà sư, nguyên

nghĩa là Thầy, Phạn ngữ viết là Guru hay Sàstà. Một trong những hoạt động chính của nhà sư là dạy đạo lý làm người, dạy giáo lý, nghi thức của nhà Phật và dạy việc tu hành... Hai chữ “Hòa thượng” Phạn ngữ viết là Upadhyaya, cũng được dịch là “Thân giáo sư”. Điều này cũng có nghĩa là Phật giáo luôn gắn bó với sự nghiệp giáo dục.

Phật giáo rất quan tâm đến việc xây dựng và củng cố mối quan hệ thầy - trò. *Kinh Trung A Hàm* có viết: thầy trò nên lấy đạo tương cảm tự nhiên, tin kính nhau, coi người như mình; thầy nên theo như Pháp mà dạy trò, nên dạy trò những điều trò chưa biết, nên giảng cho trò những điều mình đã nghe, nên chỉ cho họ biết cách chọn bạn thân, nên đem hết những chỗ mình biết dạy bảo họ. Cách hay nhất để làm rạng danh người thầy chính là dốc lòng đào tạo cho được những học trò giỏi hơn mình. Còn trò thì nên cung kính thầy, nên lễ kính cúng dâng thầy, nên tôn trọng và quý ngưỡng thầy, nên vâng thuận lời thầy, nên ghi nhớ lời thầy [12].

Những lời khuyên của Phật về bốn phận của học trò đối với thầy và của thầy đối với học trò nêu trên đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Điều đó khẳng định, Phật giáo là một bộ phận cấu thành truyền thống “tôn sư trọng đạo” của người Việt Nam.

Bên cạnh mối quan hệ thầy trò, mối quan hệ giữa những người lãnh đạo đối với nhân dân cũng được Phật giáo đề cập tới. Theo *Kinh Bồ Tát Diệt Tử*, lãnh đạo xã hội phải biết thương dân, gần dân, cần dân và chỉ bảo cho dân. Người dân phải biết tuân theo luật lệ và kính người lãnh đạo. Lãnh đạo và người dân phải sống theo nguyên tắc lục hòa: cùng nhau chung sống, không cãi cọ nhau, vui vẻ với nhau, cùng tuân theo và sửa chữa cho nhau, cùng giảng giải cho nhau hiểu biết, cùng chia quyền lợi cho nhau.

Ngoài ra, Phật giáo còn đề cập đến bốn phận vợ chồng, bốn phận họ hàng, bốn phận chúng sinh... những bốn phận này được ghi trong *Kinh A Hàm*, *Kinh Hoa Nghiêm* rất rõ.

Một trong những học thuyết quan trọng nhất của Phật giáo, có ảnh hưởng lớn đến suy nghĩ, hành vi của con người trong xã hội là thuyết Nhân - Quả. Nội dung chính của học thuyết đó là, tất cả những vật thể vô tri, thực vật, động vật, loài người, đều chịu tác động trực tiếp, thường xuyên và vô tận của Luật Nhân - Quả. Kiếp này chính là Quả của kiếp trước và là Nhân của kiếp sau. Nếu gây Nhân xấu tất phải nhận Quả xấu. Phật giáo rất chú trọng hậu quả do hoạt động của con người mang lại. Theo Phật giáo, con người phải tự chịu trách nhiệm trước hành động của mình.

Thuyết Nhân - Quả, Nghiệp báo của Phật giáo tuy còn có một số điểm mang tính chất duy tâm thần bí (như quan niệm rằng con người hiện tại là Nghiệp báo của con người quá khứ). Nhưng xét về mặt luân lý đạo đức, thuyết Nhân - Quả đề cao vai trò của cá nhân con người. Người gieo Nhân lành sẽ được Quả tốt, kẻ gieo Nhân ác sẽ được Quả xấu. Song bản thân mỗi con người, khi nỗ lực cố gắng thì có thể cải thiện được Nghiệp ác sang Nghiệp thiện. Tòa án để xử phạt tốt, xấu ở đây là tòa án của luật Nhân - Quả và là tòa án lương tâm. Chính vì vậy, nó có tác dụng rất lớn trong việc rèn luyện đạo đức của mỗi cá nhân.

Những nội dung của thuyết Nhân - Quả trên đây cho thấy, có sự trùng hợp giữa tư tưởng Phật giáo với quan niệm sống của người Việt Nam, đó là: “ở hiền gặp lành”, “ác giả ác báo”, “đời cha ăn mặn đời con khát nước”, “cha mẹ hiền lành để phúc cho con”, “thiện giả thiện báo”... Đây cũng là triết lý đạo đức, lối sống của con người Việt Nam.

Những ảnh hưởng về tín ngưỡng, đạo đức của Phật giáo đối với người Việt (người Kinh) nói riêng và người Việt Nam nói chung đến nay vẫn giữ nguyên giá trị. Con người trong thời đại xây dựng chủ nghĩa xã hội vẫn cần có tình thương yêu, lòng bao dung, sự độ lượng. Đặc biệt, trong thế giới ngày nay, khi mà các cuộc chiến tranh giữa các sắc tộc và tôn giáo đang diễn ra, tình yêu thương giữa người với người càng phải được phát huy, đẩy cao thêm một bước mới. Tình yêu thương đồng loại chính là động lực thúc đẩy sự hy sinh quên mình cho người khác, cho dân tộc và cho nhân loại; nó hướng con người đến hành vi thiện, tránh xa cái ác.

Ngoài ra các “giới luật” trong Phật giáo, đặc biệt là “ngũ giới” có tác dụng khuyến răn giúp tín đồ có được cuộc sống đức độ, làm điều thiện, tránh xa cái ác. Những tiêu chuẩn đạo đức này cũng có tác động đến các cá nhân, gia đình và xã hội. Chủ trương bảo vệ cuộc sống của con người và các tạo vật thiên nhiên của Phật giáo có sự tác động nhất định với chủ trương kêu gọi bảo vệ môi trường sinh thái của Nhà nước ta hiện nay. Việc nhấn mạnh “Giới sát” của Phật giáo trong thời gian gần đây cũng là góp phần vào việc cảnh tỉnh, nhắc nhở nhân loại hãy đoàn kết bảo vệ nền hòa bình chung, tôn trọng quyền được sống và quyền tự chủ của mỗi quốc gia.

Như vậy, có thể thấy trải qua quá trình lịch sử lâu dài tồn tại và phát triển ở Việt Nam, Phật giáo đã được bổ sung, làm mới bằng nhiều giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam. Phật giáo cũng đã góp phần củng cố, duy trì và chuyển tải các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam. Những giá trị văn hóa truyền thống ấy chính là một phần quan trọng trong nền tảng văn hóa tinh thần Việt Nam, để dân tộc ta tiến hành, xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân

tộc trong thời đại mới và xây dựng một đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Mục đích của nước ta hiện nay là đào tạo được những con người có đầy đủ cả tài lẫn đức. Hồ Chí Minh đã nói: nếu chỉ chú ý đến “cái tài” mà quên đi “cái đức” thì chỉ là kẻ phá hoại. Ngược lại, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó. Cho nên, công việc đào tạo người tài giỏi phải gắn liền với việc giáo dục luân lý đạo đức. Vì thế, không có gì tốt hơn là bảo tồn, phát huy các giá trị luân lý, đạo đức truyền thống. Trong đó, những đóng góp của Phật giáo cho nền luân lý đạo đức của người Việt nói riêng, của dân tộc Việt Nam nói chung, trong lịch sử và hiện tại đáng được trân trọng, tự hào và cần phải gìn giữ.

3. Văn hóa Công giáo trong đời sống tín ngưỡng và đạo đức người Việt Nam

Cư dân người Việt Nam ở đồng bằng Bắc Bộ vốn có văn hoá tín ngưỡng, tôn giáo với tính chủ đạo là tam giáo (Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo). Cho đến thế kỷ XVI, trong tầng văn hoá Việt Nam chưa chịu sự ảnh hưởng của Công giáo. Từ thế kỷ XVII, Công giáo dần dần bén rễ vào văn hoá của cư dân người Việt Nam. Do nhiều nguyên nhân, trong thời kỳ đầu, hoạt động truyền giáo vào Việt Nam hết sức chậm chạp, sức lan tỏa không lớn và chỉ phát triển chủ yếu trong cộng đồng cư dân nghèo đói ở vùng ven biển, ven sông. Hơn thế, các tín đồ gia nhập đạo Công giáo lại không bắt đầu bằng niềm tin tôn giáo mà từ nhu cầu của cuộc sống “đi đạo lấy gạo mà ăn”. Nguyên nhân chính không chỉ do thái độ phản ứng của người Việt Nam đối với sự áp đặt văn hóa Công giáo theo tinh thần Vatican I, mà thực chất còn vì hai nền văn hóa, hai lối sống Đông - Tây rất khác nhau và rất xa lạ với người Việt Nam. Nhưng cuối cùng người Việt Nam, với năng lực thích nghi riêng

biệt của mình đã xây dựng cho mình một nền văn hóa dân tộc hiện đại.

Sự hội nhập trước hết là ở tâm thức (hay tâm linh) sống đạo của người Công giáo Việt Nam. Tuy là những tín đồ thực thụ, có niềm tin vào Thiên Chúa Ba Ngôi, vào những tín lý của Công giáo, song họ vẫn luôn tiềm ẩn một tâm linh đa thần từ sâu thẳm. Họ quan niệm Thánh Quan thầy như một vị Thành hoàng làng có chức năng chở che, phù giúp cho cộng đồng. Vì vậy, ngày kỷ niệm Thánh Quan thầy được tổ chức như một ngày hội làng với những cuộc đi kiệu, rước xách, lễ bộ, cờ quạt, y phục và cả tấu nhạc, hành văn lưu thủy của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, cầu cho mưa thuận, gió hòa.

Hương ước nhiều làng Công giáo ở đồng bằng Bắc Bộ còn cho thấy, ở những làng này vẫn duy trì tập tục xuống đồng, tục ăn cơm mới. Không ít làng Công giáo còn giữ tục cầu mưa, cầu cho phong đăng hòa cốc. Sau mùa gặt, nông dân còn dâng nông sản gạo, đậu, trái cây lên chân tượng Chúa để tạ ơn.

Một số vị Thánh khác được người dân tín đồ chức nghiệp hoá “quan phòng”. Ông thánh Phêrô lo việc chữa ốm đau, dịch hạch; Ông thánh Antôn lo việc cứu giúp người nghèo; Ông thánh Máctin giúp việc bắt trộm cướp, tìm ra của cải bị mất trộm. Ốm đau, nghèo đói, trộm cướp là những tai họa mà người dân - tín đồ ở các làng quê thời phong kiến, thực dân luôn phải hứng chịu. Khi nào xã hội không cứu giúp họ thì họ phải tìm đến các vị Thánh.

Điểm nổi bật nhất là việc tôn sùng Đức Maria. Đức Maria được tôn sùng theo tâm thức thờ Mẫu, một loại hình tín ngưỡng dân gian có từ lâu đời và là hình thức tín ngưỡng dân gian sớm nhất, có sức sống nhất và tồn tại lâu dài nhất trong tín ngưỡng truyền thống của người Việt Nam.

Phật giáo buổi đầu truyền bá vào Việt Nam đã sớm hội nhập với tín ngưỡng Mẫu để rồi hình thành nên Phật Tứ Pháp: Vân, Vũ, Lô, Điện. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi Đức Maria được người dân, tín đồ tôn sùng theo tâm thức thờ Mẫu. Giáo dân gọi Đức Mẹ Maria là Mẫu, Thánh Mẫu. Những lúc gặp khó khăn gian khổ, hoạn nạn, các giáo sĩ cũng như tín đồ đến cầu xin Đức Mẹ Maria che chở, cứu khổ. Trong quan niệm của tín đồ Công giáo, Chúa Giêsu là người có nhiều quyền năng hơn nhưng lại không gần gũi như Đức Mẹ Maria. Đức Mẹ Maria luôn quan tâm đến cuộc sống hàng ngày của tín đồ. Tín đồ Công giáo tìm đến Đức Mẹ Maria để xin được ban ơn những thứ hết sức bình dị trong cuộc sống hàng ngày như: sức khỏe, no đủ, buôn bán đắt hàng, bình an, đi lại an toàn... Đức Mẹ Maria còn được tín đồ Công giáo tôn thờ là hiện thân của sự sinh sôi nảy nở. “Những người muôn mản về đường con cái tìm đến Đức Mẹ Maria - Mẹ - cầu xin cho được sinh đẻ con cái” [11, tr.314].

Như vậy, trong tâm thức của giáo dân Việt Nam, Đức Maria và các Thánh đã không còn giữ nguyên vai trò theo như quan niệm tín lý của Giáo hội Công giáo (Đức Maria và các Thánh chỉ được tôn kính, không được ban ơn cho tín đồ, chỉ đóng vai trò trung gian “cầu bầu mà xin ơn Đức Chúa Trời” cho tín hữu).

Với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, ngay từ buổi đầu du nhập, Công giáo đã vấp phải sự phản kháng của văn hóa, tín ngưỡng bản địa. Một thời gian dài trước Công đồng Vatican II, nghi lễ Công giáo xung đột với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt. Trước sự “phản ứng” đó, đến Công đồng Vatican II (1962 - 1965), tục thờ cúng tổ tiên của người Việt đã được Tòa Thánh Rôma buộc phải công nhận. Theo tinh thần của Công đồng thứ XXI, ngày 14 tháng 1

năm 1974, các Giám mục Việt Nam ra thông báo, quy định cho người Công giáo Việt Nam được tổ chức và tham dự các nghi lễ tôn kính ông bà tổ tiên theo phong tục Việt Nam. Bản thông báo gồm 5 điểm: “Quy định cho giáo dân được đặt bàn thờ tổ tiên nhưng phải thấp hơn bàn thờ Chúa (điều 1); được đốt đèn, nhang, vái lạy trước bàn thờ tổ tiên (điều 2); được cúng giỗ trong gia đình theo phong tục tổ tiên (điều 3); cô dâu, chú rể được làm lễ tổ, lễ gia tiên (điều 4); trong tang lễ được vái lạy trước thi hài người quá cố, được làm một số nghi lễ đối với người qua đời (điều 5)” [10, tr.58].

Người Công giáo khi qua đời vẫn được tưởng niệm theo nghi thức truyền thống của người Việt với tục cúng 3 ngày, 49 ngày, 100 ngày, giỗ đầu (tiểu tường), giỗ hết (đại tường), mồ mả vẫn được chăm lo dù rằng vẫn thấu hiểu chết là về với Chúa.

Các hình thức tưởng niệm trong các ngày nói trên, đã có sự đan xen của nghi lễ Công giáo. Ngược lại, khi đọc kinh và cầu nguyện, nghi lễ Công giáo cũng chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Đó là việc dùng hương trong phụng vụ, Công giáo cũng dành hẳn tháng 11 trong năm phụng vụ để làm việc kính nhớ tổ tiên. Đây được gọi là tháng các linh hồn. Người Công giáo thực hành nghi lễ với tổ tiên không chỉ là tôn kính mà đó còn là nghi lễ của sự thờ cúng tổ tiên truyền thống của người Việt Nam.

Một ảnh hưởng khác của văn hóa Công giáo đến văn hóa truyền thống của người Việt Nam phải kể đến, đó là lễ hội Công giáo. Nó đã tạo nên sự phong phú trong kho tàng văn hóa Việt Nam. Người Công giáo không gọi những ngày lễ lớn diễn ra ở xứ họ đạo là lễ hội, song trên thực tế, một số lễ như lễ Thánh Quan thầy ở xứ, lễ Châu lượt, lễ San ti... là những lễ có quy mô như một lễ hội. Ngoài phần lễ, còn có phần hội như

rước kiệu Công đồng, múa trống cà rồng, múa hát dâng hoa và diễn kịch.

Lễ hội Công giáo cũng có tất cả các yếu tố (lễ, hội, tín ngưỡng, phong tục, các thành tố nghệ thuật, vật phẩm dâng cúng...) như các lễ hội dân gian khác, nhưng cũng có những nét riêng biệt. Lễ hội Công giáo lấy lễ là cốt lõi, vì vậy thời gian diễn ra lễ hội ngắn (cũng có kỳ tam nhật hay cửu nhật nhưng ít xảy ra) và lễ hội lớn hay nhỏ tùy thuộc vào quy mô tổ chức giáo phận, giáo tỉnh hay quốc gia với số lượng giáo sĩ tham gia nhiều hay ít. Lễ hội nào có nhiều Giám mục, Hồng y dâng lễ thì giáo dân nô nức đi dự. Ví dụ, lễ hội bế mạc năm Thánh La Vang 15 tháng 8 năm 1999 được coi là một trong những lễ hội Công giáo lớn nhất ở Việt Nam vì được tổ chức trên bình diện quốc gia, với sự tham gia của 16 Hồng y, Tổng Giám mục, Giám mục; 260 Linh mục và khoảng 15 vạn giáo dân.

Trong lễ hội còn có văn, một hình thức diễn xướng dân ca có từ lâu đời. Trong Tháng Hoa - Tháng Năm - Tháng Đức Bà những văn hoa cổ được trình diễn bằng những lời được đặt, ngợi ca tâm lòng của Đức Maria. Cùng với các văn hoa là các làn điệu hát dân ca khác như trống quân, cò lả, hát xoan, hò mái nhì mái đẩy, hát phường vải, hát ví dặm... được cải biên với những ca từ mới; thậm chí, hát ca trù, hát nói cũng được dùng để trình diễn. Cùng với hát là múa với những vũ điệu dân gian, xếp hình, kéo chữ, là hình thức diễn xướng của hội làng truyền thống (xếp hình mỏ neo với ý nghĩa Đức Mẹ là niềm trông đợi; hình ngôi sao - Đức Mẹ là ngôi sao biển; kéo chữ A, V, chữ đầu của Ave Maria - kính mừng Đức Maria...).

Nhạc điệu cho những bài hát, giọng ngâm, giọng đọc Mùa Vọng, Mùa Phục sinh, Mùa Giáng sinh là bát âm (đàn, sáo, nhị, trống...), cùng ngũ âm đượm hồn Việt.

Đi theo kiểu Thánh Quan thầy, kiểu Đức Bà (Maria), bên cạnh ban nhạc Tây là ban nhạc Nam với phường bát âm truyền thống, múa mỗ, múa trắc, múa trống, múa sênh tiền âm vang rộn rã; trống, kèn, hội bát âm, cờ ngũ sắc; chú lùn đi kheo, múa trống... đi theo đám rước; đàn ông mặc áo the, khăn xếp; đàn bà mặc áo dài tứ thân, nón lá...

Người Công giáo được thấp hương, bày hoa quả trước di ảnh người quá cố. Tại nhà thờ, tín hữu còn viết lời khấn nguyện ra giấy và đốt trước tượng ảnh. Do vậy, một đám rước của người Công giáo không khác nhiều so với đám rước hội làng.

Có thể thấy, sức mạnh của nền văn hóa Việt Nam có lịch sử phát triển lâu đời, nhiều nội dung nghi lễ Công giáo đã được chuyển hóa cho phù hợp với nền văn hóa Việt Nam, nhất là từ sau Công đồng Vatican II. Nhà thờ Công giáo đã treo chuông Nam, những ngày lễ lớn đã rước kiểu bằng những cỗ kiệu của người Việt Nam (kiệu vàng), những nghi thức tưởng niệm lễ Phục sinh cũng được tổ chức theo nghi thức Việt Nam; múa hát dâng hoa trong tháng Năm, lời ca được cải tiến từ điệu chèo, điệu dân ca người Việt Nam; các vũ đạo được lấy từ vũ đạo dân gian... Công giáo muốn “loại bỏ” thờ cúng tổ tiên nhưng người Công giáo vẫn có những hình thức thể hiện đạo Hiếu như xin lễ ở ban thờ, tổ chức lễ cầu nguyện cho ông bà tổ tiên và những người đã khuất... Đó chính là sự hội tụ giữa hai dòng chảy văn hóa: văn hóa Công giáo và văn hóa truyền thống người Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã nói: “Tôn giáo của chúa Giêsu có ưu điểm, là lòng bác ái cao cả”. Chính lòng bác ái đó đã tạo một luân lý đạo đức sống nhân bản.

Những người theo Công giáo có lệ sau giao thừa, mọi người kéo nhau ra nhà thờ “mừng tuổi Đức Mẹ”, tiếng chào, chúc

nhau năm mới xôn xao trong xóm ngõ. Sau khi dự lễ đầu năm, mọi người đều dâng lên lời cầu cho Tổ quốc Việt Nam được hòa bình và thịnh vượng, vì ngày mùng một Tết là ngày cầu nguyện cho đất nước. Sau khi lễ xong, các giáo dân trong xứ vào chúc tuổi Cha xứ. Cha xứ cũng vui vẻ chúc lại giáo dân, mừng tuổi các em nhỏ. Sau đó, tất cả cùng ra ủy ban xã dự lễ chào cờ, thấp hương, viếng mộ liệt sĩ cùng nhân dân địa phương.

Ngày mùng hai, giáo dân cầu nguyện cho tổ tiên, làng xóm, xứ họ. Trong ngày này nhân dịp đi chúc tết, các phụ lão hay những người có uy tín trong xứ thường đến các gia đình có chuyện bất hòa, lục đục để dàn xếp. Không ít gia đình “com chẳng lành, canh chẳng ngọt” đã lấy lại được hòa khí yên vui giữa vợ chồng, cha mẹ và con cái. Hạnh phúc của những gia đình này đã được hàn gắn và hạnh phúc còn đến cả với làng xóm của họ.

Ngày mùng ba, theo lịch Công giáo là ngày Thánh hóa công việc làm ăn. Người Công giáo biết rằng, lao động, làm ăn chân chính là vất vả, nhưng họ hiểu, chính Chúa Giêsu cũng phải lao động cực nhọc để kiếm sống, nuôi cả cha và mẹ. Tấm gương của Ngài đem lại nhận thức cho giáo dân mong muốn có việc làm chân chính. Do vậy vào ngày này các gia đình thường tụ tập cùng nhau bên mâm cơm để rút kinh nghiệm làm ăn trong năm qua và định hướng cho năm mới; cùng nhau hát bài “cầu xin Chúa Thánh Thần”, đọc kinh “xin chúa sáng soi” để xin Chúa hướng dẫn cho công ăn việc làm năm tới thuận lợi và tiến triển.

Những trình bày trên đây cho thấy, tinh thần “đạo”, “đời”, truyền thống và hiện tại đã có sự hòa nhập, gắn bó. Ba ngày Tết cổ truyền là dịp để người Công giáo thực hiện những việc làm đạo đức. Những đạo lý trên của Công giáo phù hợp với đạo lý của

người Việt Nam thể hiện qua phong tục: “Mong một tết cha, mong hai tết mẹ, mong ba tết thầy”.

Ngoài ra, trong ngày Tết, nhiều gia đình Công giáo cũng dựng cây nêu (trên cây nêu có hình Thánh giá) trước cửa nhà. Người Công giáo không tin có ma tà nhưng họ tin rằng, cùng với việc dựng Thánh giá và vẩy nước phép vào đêm ba mươi, gia đình họ được yên vui, tránh được sự cám dỗ của ma quỷ. Trên bàn thờ các gia đình vào những ngày tết còn thắp đèn, thắp hương, đồng thời cũng vang lên tiếng kinh cầu đều đặn cả sáng và tối...

Tùy thuộc ở mỗi miền, mỗi xứ đạo, mỗi giáo phận, người Công giáo đều có những sinh hoạt Tết cổ truyền khác nhau, nhưng tất cả đều đóng góp vào nền văn hóa dân tộc tạo ra một bản sắc Việt Nam nhân văn và tinh tế.

Những tư tưởng về lòng trung hiếu, về mối quan hệ giữa cha mẹ với con cái của người Công giáo cũng được chỉ rõ trong “Thập giới”. Đó là, mọi tín đồ phải thảo kính với cha mẹ; về phần cha mẹ phải có nghĩa vụ giáo dục con cái “cho đến khi luật Chúa được khắc ghi trong tâm hồn”. Cha mẹ phải sống sao để trở thành tấm gương tốt cho con cái noi theo. Đây cũng là nét đẹp tương đồng với văn hóa tinh thần truyền thống Việt Nam: “Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra/ Một lòng thờ mẹ kính cha/ Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”.

Về cư xử trong quan hệ vợ chồng, Kinh Thánh cũng răn dạy: người chồng là chủ, mẫu mực của yêu thương và trung thành, người vợ phải có nghĩa vụ đáp lại tình cảm đó. Trong “Thập giới” cũng có hai điều răn ngăn cấm các hành vi tội lỗi trong quan hệ nam nữ để bảo vệ hôn nhân: “không được gian dâm” (điều răn 6); “không được ham muốn vợ (chồng) của người khác” (điều răn 9)...

Những chuẩn mực trong đời sống hôn nhân của Công giáo nói trên cho thấy phù hợp với luật pháp của nhà nước ta. Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 của Việt Nam ghi rõ: “Vợ chồng chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững” (Điều 18, chương 3). “Vợ chồng bình đẳng với nhau, có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt trong gia đình” (điều 19, chương 3).

Những quy định này góp phần trong việc xây dựng tư tưởng mới về quan hệ hôn nhân lành mạnh, hạn chế rạn nứt trong gia đình tín đồ, góp phần ổn định đời sống xã hội trong giáo dân.

Như vậy, trải qua thời gian, Công giáo ở Việt Nam dần dần tạo ra được một hệ giá trị xã hội, đã ảnh hưởng không nhỏ đến văn hóa tín ngưỡng của người Việt Nam ở đồng bằng Bắc Bộ. Giá trị lớn nhất ảnh hưởng đến văn hóa tín ngưỡng người Việt Nam là tạo nên nếp sống đạo của người Công giáo Việt Nam, thể hiện qua nếp sống cá nhân, nếp sống gia đình, nếp sống cộng đồng xứ, họ đạo. Nếp sống đạo của người Công giáo được dựa trên nền tảng Phúc âm và sự giao thoa của nếp sống truyền thống dân tộc. Phương châm sống “kính Chúa, yêu Người” chính là thể hiện của nếp sống này.

Với tư cách là yếu tố cấu thành hệ thống các giá trị tinh thần của xã hội, giá trị luân lý đạo đức là những nguyên lý, đạo lý, những nguyên tắc ứng xử của một cộng đồng, được cộng đồng thừa nhận và đem vận dụng trong đời sống nhằm điều chỉnh, đánh giá hành vi cá nhân và của cả cộng đồng. Nếu xét trên bình diện như vậy thì đây chính là những luân lý đạo đức mà Công giáo đã ảnh hưởng đến cộng đồng người Việt, góp phần quảng bá tiếng nói đạo đức theo nhận thức và biện pháp tiến hành riêng của mình.

Văn hóa Công giáo nói chung, văn hóa đạo đức Công giáo nói riêng xét có mặt hạn chế trong một chừng mực nhất định nào đó, nhưng khi nghiên cứu về ảnh hưởng của văn hóa Công giáo đến tín ngưỡng truyền thống và đạo đức người Việt Nam, chúng ta không chỉ cảm nhận được những vẻ đẹp bên ngoài của văn hóa phương Tây hiện diện trong lòng văn hóa phương Đông mà còn được “đắm mình” trong văn hóa phương Tây khi nó thấm thấu vào hồn dân tộc, một đặc tính của văn hóa mới mang sắc thái văn hóa riêng - văn hóa Công giáo Việt Nam.

4. Kết luận

Văn hóa tôn giáo nói chung, văn hóa Phật giáo và văn hóa Công giáo nói riêng, có tác động hết sức to lớn đến đời sống tinh thần của con người Việt Nam. Tư tưởng khoan dung, hòa bình, khuyến thiện, ngừa ác... của Phật giáo cùng tư tưởng bác ái của Công giáo đã có tác dụng thức tỉnh lương tri con người, điều chỉnh hành vi của các cá nhân và cộng đồng để xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn. Trên cơ sở đó, con người sẽ được sống trong môi trường hòa bình, nhân ái, không có chiến tranh hủy diệt, khủng bố quốc tế và xung đột tôn giáo.

Từ những nghiên cứu trên, cũng có thể khẳng định rằng, ảnh hưởng đối với đời sống văn hóa tinh thần, không có ảnh hưởng nào mạnh hơn tôn giáo và cũng không có sự “quyến rũ” nào mạnh bằng sự “quyến rũ” của tôn giáo khi tôn giáo đã đi vào lòng người. Tôn giáo tuy có một số mặt hạn chế nhất định, nhưng xét về mặt bản chất, tôn giáo chính là văn hóa, là một trong những nguồn gốc của văn hóa. Và như vậy, sự du nhập của Phật giáo hay Công giáo vào Việt Nam chính là sự du nhập văn hóa từ bên ngoài vào, hòa quyện với văn hóa truyền thống để tạo ra một luồng văn hóa mới tiên tiến nhưng đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hoá sử cương*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- [2] Toan Ánh (1996), *Phong tục thờ cúng tổ tiên trong gia đình Việt Nam*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- [3] Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2002), *Vấn đề về tôn giáo và chính sách tôn giáo của Đảng Cộng Sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Bộ Chính trị *Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 16 tháng 10 năm 1990 về Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*.
- [5] Leopold Cadière (1997), *Về văn hoá và tín ngưỡng truyền thống người Việt*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- [6] Giuse Maria Trịnh Văn Căn (1985), *Kinh Thánh Tân Ước*, Toà Tổng Giám mục, Hà Nội.
- [7] Linh mục Thiện Cẩm (1987), *Đức tin và văn hoá*, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh.
- [8] Nguyễn Huệ Chi (1998), “Về hiện tượng dung hợp trong văn hoá Việt Nam”, Tạp chí *Xưa & Nay*, số 57.
- [9] Nguyễn Hồng Dương (1993), “Hội nhập văn hóa truyền thống Việt Nam trong lịch sử”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 1, tháng 10.
- [10] Nguyễn Hồng Dương (1999), “Bước đường hội nhập văn hóa dân tộc của Công giáo Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1 và 2.
- [11] Nguyễn Hồng Dương (2001), *Nghị lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [12] Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1992), *Kinh Trung A Hàm*, Viện Nghiên cứu Phật học ấn hành, Hà Nội.
- [13] Hội thánh tôn giáo Vatican II (1983) *Bộ Giáo luật*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [14] Nguyễn Khắc Thuần (2006), *Tiến trình văn hóa Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

